Sign In

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 25/2014/TT-BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định phương pháp xác định mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại

---

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xác định mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định phương pháp xác định mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại do các tổ chức, cá nhân liên quan phải trả cho bên bán điện để thực hiện ngừng và cấp điện trở lại trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 và Điều 7 Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện (sau đây viết là Thông tư số 30/2013/TT-BCT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên bán điện.

2. Bên mua điện yêu cầu bên bán điện ngừng cung cấp điện.

3. Tổ chức, cá nhân yêu cầu bên bán điện ngừng cấp điện trong các trường hợp để đảm bảo an toàn phục vụ thi công các công trình.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật bị bên bán điện ngừng cấp điện trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư số 30/2013/TT- BCT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bên bán điện* là đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực hoặc được ủy quyền trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ điện, trực tiếp thực hiện ngừng và cấp điện trở lại, bao gồm:

a) Tổng công ty Điện lực;

b) Công ty Điện lực;

c) Đơn vị phân phối và bán lẻ điện.

2. *Bên mua điện* là tổ chức, cá nhân mua điện để sử dụng hoặc để bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện, bao gồm:

a) Đơn vị phân phối và bán lẻ điện;

b) Khách hàng sử dụng điện.

Điều 4. Thu và hạch toán chi phí ngừng và cấp điện trở lại

1. Bên bán điện được phép thu chi phí ngừng và cấp điện trở lại quy định tại Thông tư này. Chi phí này nhằm bù đắp cho bên bán điện để thực hiện việc ngừng và cấp điện trở lại. Tiền thu chi phí ngừng và cấp điện trở lại được hạch toán vào doanh thu của bên bán điện (phần doanh thu sản xuất kinh doanh khác) và nộp thuế theo quy định.

2. Chi phí ngừng và cấp điện trở lại được thu cụ thể như sau:

a) Thu trước một lần khi ngừng cấp điện đối với đối tượng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Thông tư này;

b) Thu trước khi cấp điện trở lại đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 2 Thông tư này.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGỪNG VÀ CẤP ĐIỆN TRỞ LẠI

Điều 5. Nguyên tắc tính mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại

Công thức tính mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại như sau:

$$\text{Chi phí ngừng và cấp điện trở lại} = (\text{Chi phí nhân công} \times n + \text{Chi phí đi lại}) \times k$$

Trong đó:

1. Chi phí nhân công tính theo các yếu tố: lương tối thiểu vùng bình quân cho 01 ngày công, hệ số lương bậc thợ, hệ số phụ cấp lưu động và số công cho một lần đóng cắt theo các cấp điện áp.

2. Chi phí đi lại được xác định theo khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện ngừng và cấp điện trở lại đến địa điểm thực hiện ngừng và cấp điện trở lại.

3. k: hệ số điều chỉnh theo khoảng cách.

4. n: hệ số điều chỉnh theo vùng miền.

Điều 6. Mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại cơ sở (M)

Mức chi phí ngừng và cấp điện trở lại cơ sở (M) là mức chi phí cho 01 (một) lần ngừng và cấp điện trở lại tại khu vực đồng bằng, có khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện ngừng và cấp điện trở lại đến địa điểm thực hiện ngừng và cấp điện trở lại từ 05 km trở xuống và được xác định tương ứng với các cấp điện áp như sau:

1. Tại điểm có cấp điện áp từ 0,4 kV trở xuống.

2. Tại điểm có cấp điện áp trên 0,4 kV đến 35 kV.

3. Tại điểm có cấp điện áp trên 35 kV.

Điều 7. Hệ số điều chỉnh theo khoảng cách và vùng, miền

1. Hệ số điều chỉnh theo khoảng cách (k) được xác định theo khoảng cách từ trụ sở đơn vị trực tiếp thực hiện ngừng và cấp điện đến địa điểm thực hiện ngừng và cấp điện trở lại và được áp dụng cụ thể như sau:

a) Đến 05 km: hệ số k = 1;

b) Trên 05 km đến 10 km: hệ số k = 1,14;